

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 12/8/2020

V/v: Chia tài sản sau khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Hữu Như.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trịnh Thị Kim Liên

Bà Lương Thị Thúy Lan

*Thư ký phiên tòa:* Bà Bằng Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công:*

Ông Nguyễn Đức Minh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 209/2019/ TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc “Chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 24/6/2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Lệ Q, sinh năm 1978/ có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Ng, phường C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

**Bị đơn:** Ông Dương Đình L, sinh năm 1977/ vắng mặt lần thứ hai.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Ng, phường C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

**Người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn Mạnh Đ (Tên gọi khác: Nguyễn Văn Đ)/ vắng mặt.
2. Bà Lưu Thị Kh/ vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố Ng, phường C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ Q trình bày: Bà và ông Dương Đình L kết hôn với nhau năm 1997, đến tháng 07 năm 2019 thì ly hôn, về con chung do bà trực tiếp nuôi dưỡng còn tài sản chung khi đó chưa chia và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện bà và con đang

phải đi ở tại cửa hiệu thuê, nay bà có nhu cầu về chỗ ở cho hai mẹ con nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của hai người. Cụ thể, trong quá trình chung sống bà và ông L gây dựng được khối tài sản chung gồm có thửa đất số 123b tờ bản đồ 64-IV phường Cải Đan cùng ngôi nhà gắn liền với đất và chiếc ô tô con 5 chỗ nhãn hiệu DAEWOO, số loại LACETTI, năm sản xuất 2004 (hiện đều do ông L quản lý và sử dụng). Nay bà yêu cầu được chia đôi tài sản chung và được sử dụng thửa đất số 123b tờ bản đồ 64-IV phường Cải Đan cùng ngôi nhà gắn liền với đất để ở vì một phần do thửa đất chỉ có 65 m<sup>2</sup> đất ở và đã xây nhà gần hết đất nên không chia thành 02 thửa được, bà có trách nhiệm trích chia tiền  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà đất cho ông L theo kết quả định giá. Một lý do nữa là nguồn gốc thửa đất số 123b tờ bản đồ 64-IV phường Cải Đan là do bố mẹ bà tách từ thửa đất của mình tặng cho hai vợ chồng bà để làm nhà ở, do đó bà muốn được tiếp tục sinh sống trên thửa đất của bố mẹ cho, liền kề với đất nhà bố mẹ bà. Đối với chiếc ô tô con 5 chỗ nhãn hiệu DAEWOO, số loại LACETTI, năm sản xuất 2004 mang tên Dương Đình L trong giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô bà yêu cầu được chia đôi giá trị hiện còn của chiếc xe. Còn một số tài sản vặt khác bà không yêu cầu chia.

Về nợ chung: Bà Q xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Dương Đình L trình bày: Về thời gian kết hôn và ly hôn đúng như bà Q trình bày. Ông và bà Nguyễn Thị Lệ Q kết hôn với nhau năm 1997, đến tháng 07 năm 2019 thì ly hôn nhưng tài sản chung khi đó chưa chia và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khối tài sản chung của ông bà gồm có thửa đất số 123b tờ bản đồ 64-IV phường Cải Đan cùng ngôi nhà gắn liền với đất và chiếc ô tô con 5 chỗ nhãn hiệu DAEWOO, số loại LACETTI, năm sản xuất 2004. Nay bà Q yêu cầu được chia đôi tài sản chung và được sử dụng thửa đất số 123b tờ bản đồ 64-IV phường Cải Đan cùng ngôi nhà gắn liền với đất để ở và yêu cầu được chia đôi giá trị hiện còn chiếc ô tô con 5 chỗ nhãn hiệu DAEWOO, số loại LACETTI, năm sản xuất 2004, quan điểm của ông đầu tiên muốn để lại cho con, sau đó ông muốn hai vợ chồng tự thỏa thuận chia.

Người làm chứng ông Nguyễn Mạnh Đ và bà Lưu Thị Kh (là bố mẹ chi Q) trình bày: Ông bà sinh được 5 người con, trong đó cháu Nguyễn Thị Lệ Q sinh năm 1978 là con gái đầu. Năm 1997 thì cháu Q kết hôn với Dương Đình L. Khoảng năm 2003 thì ông bà có cho vợ chồng Q – L về làm nhà ở trên đất của ông bà. Đến năm 2009 ông bà thấy vợ chồng Q – L chung sống hòa thuận và nghĩ các cháu sẽ chung sống với nhau suốt đời, bản thân ông bà cũng luôn mong muốn vợ chồng Q – L gắn bó với nhau đến cuối đời. Do đó, năm 2009 ông bà đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng Q – L một phần đất của ông bà, cụ thể đã cắt từ thửa đất của ông bà phần đất diện tích 278 m<sup>2</sup> trong đó có 65 m<sup>2</sup> đất ở và 213 m<sup>2</sup> đất cây lâu năm thành thửa mới 123b, tờ bản đồ 64-

IV. Vợ chồng Q – L đã được cấp giấy CNQSD đất thửa 123 b này cùng năm 2019. Khi tặng cho và sau khi tặng cho QSD đất ông bà hoàn toàn tự nguyện và không nhận bất cứ khoản tiền hay lợi ích vật chất nào của vợ chồng Q – L. Khi tặng cho QSD đất bản thân ông bà cũng xác định chủ yếu là chia phần hồi môn cho con gái cả, còn ông bà biết khả năng vợ chồng Q – L chung sống hòa thuận hoặc không hòa thuận đều có thể xảy ra. Nếu ông bà biết vợ chồng Q – L sẽ ly hôn thì không bao giờ làm hợp đồng tặng cho chung đất. Vì vậy, nay không may vợ chồng Q – L đã ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản sau khi ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi của con gái ông bà và cháu ngoại đang do chị Q nuôi dưỡng. Ông bà mong muốn con gái ông bà và cháu ngoại tiếp tục được ở trên thửa đất này và sau này cháu ngoại có nhà đất của mẹ để lại sinh sống. Thửa đất ông bà đã cho Q – L hiện liên thổ với thửa đất ông bà đang sử dụng. Do đó, nếu chia cho cả cháu Q và cháu L cùng sinh sống sẽ dẫn đến cuộc sống phức tạp, có thể xảy ra nhiều chuyện không hay. Mặt khác diện tích đất ở chỉ có 65 m<sup>2</sup> nên không thể chia làm nhà ở được.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án cùng ủy ban nhân dân phường Cải Đan đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có tranh chấp theo quy định của pháp luật. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ xác định được tại thửa đất số 123b tờ bản đồ 64-IV phường Cải Đan có ngôi nhà cấp 4 công trình phụ khép kín 2,5 tầng, diện tích 120 m<sup>2</sup>, xây năm 2003, sửa lại năm 2016. Kết quả định giá xác định được giá đất ở tại thửa đất số 123b tờ bản đồ 64-IV phường Cải Đan có giá 1.620.000đ/m<sup>2</sup> x 65m<sup>2</sup> = 105.300.000 đồng; giá đất cây lâu năm tại thửa đất số 123b tờ bản đồ 64-IV phường Cải Đan có giá 70.000đ/m<sup>2</sup> x 213 m<sup>2</sup> = 14.910.000 đồng. Về ngôi nhà gắn liền với thửa đất số 123b tờ bản đồ 64-IV phường Cải Đan có giá trị hiện còn là 360.283.700 đồng. Chiếc ô tô con 5 chỗ nhãn hiệu DAEWOO, số loại LACETTI, năm sản xuất 2004 có giá trị hiện còn là 113.600.000 đồng. Tổng cộng giá trị khối tài sản chung hiện còn của bà Q và ông L là **594.093.700 đồng**.

Kết thúc phần tranh luận vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 104, 147, 157, 165, 166, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213 Bộ luật dân sự 2015; Điều 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn của bà Nguyễn Thị Lệ Q.

- Giao cho bà Nguyễn Thị Lệ Q được quyền sử dụng, sở hữu thửa đất số 123b tờ bản đồ 64-IV phường Cải Đan, thành phố Sông Công và ngôi nhà gắn liền với đất trị giá hiện còn là **480.493.700 đồng**.

- Giao cho ông Dương Đình L được quyền sở hữu chiếc ô tô con 5 chỗ nhãn hiệu DAEWOO, số loại LACETTI, năm sản xuất 2004 mang tên Dương Đình L trong giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô trị giá hiện còn là **113.600.000 đồng**.

Bà Nguyễn Thị Lệ Q phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Dương Đình L số tiền chênh lệch giá trị tài sản là **178.446.850 đồng** (đã trừ 5.000.000 đồng tiền thẩm định, định giá ông L phải trả cho bà Q).

- Ông Dương Đình L được sở hữu số tiền **178.446.850 đồng** do bà Nguyễn Thị Lệ Q thanh toán trả cho.

Buộc các đương sự phải chịu án phí DSST và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật và tuyên các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải, xong các bên vẫn giữ nguyên quan điểm không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua cuộc thẩm tra tại phiên Tòa, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sông Công nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật giải quyết và thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về “Chia tài sản chung sau khi ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại tổ dân phố Nguyên Bấy, phường Cải Đan, thành phố Sông Công và bất động sản có yêu cầu chia tại tổ dân phố Nguyên Bấy, phường Cải Đan, thành phố Sông Công, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông L không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử vụ án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt ông Dương Đình L.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Lệ Q khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn với ông Dương Đình L nên bà Nguyễn Thị Lệ Q là nguyên đơn, ông Dương Đình L là bị đơn trong vụ án.

[3] Xét yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn của bà Nguyễn Thị Lệ Q thấy rằng: Bà Nguyễn Thị Lệ Q và ông Dương Đình L kết hôn với nhau năm 1997, đến tháng 07 năm 2019 thì ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 95/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2019 Tòa án nhân dân thành phố Sông Công đã giải quyết cho bà Q được ly hôn với ông L, và giải quyết giao con cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng. Còn về tài sản chung khi đó hai bên chưa tự chia và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết, về công nợ chung không có. Hiện bà và con đang phải đi ở tại cửa hiệu thuê, nay bà có nhu cầu về chỗ ở cho hai mẹ con nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của bà và ông L sau khi ly hôn là quyền sử dụng thửa đất số 123b tờ bản đồ 64-IV phường Cải Đan cùng ngôi nhà gắn liền với đất và chiếc ô tô con 5 chỗ nhãn hiệu DAEWOO, số loại LACETTI, năm sản xuất 2004. Đây là khối tài sản hình thành và được tặng cho chung trong thời kỳ hôn nhân và được xác định là tài sản chung của bà Q và ông L, vì vậy bà Q yêu cầu chia là có căn cứ. Trong vụ án này do nhà, đất ở diện tích nhỏ, không vuông đất, không thể chia cho hai người cùng ở được, xét thấy bà Q là phụ nữ, đang trực tiếp nuôi con, có khó khăn trong việc tạo dựng chỗ ở mới, hiện đang phải ở tại cửa hiệu thuê. Mặt khác, thửa đất số 123b tờ bản đồ 64-IV phường Cải Đan có nguồn gốc là của bố mẹ bà Q tặng cho. Do đó cần chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Lệ Q, giao cho bà Q được quyền sử dụng, sở hữu thửa đất số 123b tờ bản đồ 64-IV phường Cải Đan và ngôi nhà gắn liền với đất trị giá hiện còn là **480.493.700 đồng** là phù hợp; giao cho ông Dương Đình L được quyền sở hữu chiếc ô tô con 5 chỗ nhãn hiệu DAEWOO, số loại LACETTI, năm sản xuất 2004 trị giá hiện còn là **113.600.000 đồng**. Tổng giá trị tài sản hiện còn của bà Q và ông L là **594.093.700 đồng**, buộc bà Nguyễn Thị Lệ Q phải có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch cho ông L số tiền **183.446.850 đồng** và được quyền sử dụng, sở hữu nhà đất.

[4] Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật nộp ngân sách Nhà nước.

Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy và định giá tài sản hết 10.000.000 đồng, bà Q và ông L mỗi người phải chịu  $\frac{1}{2}$  số tiền này. Bà Q đã nộp tạm ứng số tiền 10.000.000 đồng để chi phí, ông L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Q 5.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy và định giá tài sản.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, khoản 1 Điều 104, Điều 147, 157, 165, 166, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 213 Bộ luật dân sự; Điều 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**Chấp nhận** yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn của bà Nguyễn Thị Lệ Q.

[1] Giao cho bà Nguyễn Thị Lệ Q được quyền sử dụng, sở hữu thửa đất số 123b tờ bản đồ 64-IV phường Cải Đan, thành phố Sông Công và ngôi nhà gắn liền với đất trị giá hiện còn là **480.493.700 đồng**.

[2] Giao cho ông Dương Đình L được quyền sở hữu chiếc ô tô con 5 chỗ nhãn hiệu DAEWOO, số loại LACETTI, năm sản xuất 2004 mang tên Dương Đình L trong giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô trị giá hiện còn là **113.600.000 đồng**.

- Bà Nguyễn Thị Lệ Q phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông Dương Đình L số tiền chênh lệch giá trị tài sản là **183.446.850 đồng**.

- Ông Dương Đình L được sở hữu số tiền **183.446.850 đồng** do bà Nguyễn Thị Lệ Q thanh toán trả cho.

[3] **Về công nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] **Về chi phí tố tụng khác:** Bà Nguyễn Thị Lệ Q và ông Dương Đình L mỗi người phải chịu 5.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy và định giá tài sản. Bà Q đã nộp tạm ứng số tiền 10.000.000 đồng và đã chi phí xong, ông Dương Đình L phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Lệ Q **5.000.000 đồng** tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy và định giá tài sản.

[5] **Về án phí:** Bà Nguyễn Thị Lệ Q phải chịu **14.852.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp Ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền **5.000.000 đồng** tạm ứng án phí bà Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công theo biên lai số 0007863 ngày 24 tháng 12 năm 2019. Bà Nguyễn Thị Lệ Q còn phải nộp **9.852.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp Ngân sách nhà nước.

- Ông Dương Đình L phải chịu **14.852.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp Ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự (nguyên đơn, bị đơn) biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đối với người vắng mặt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTP. Sông Công;
- THADS TP. Sông Công;
- Các đương sự;
- UBND phường Cải Đan;
- Lưu VT, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Hữu Nường**